

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						344 640	106 860	237 780			
1		CẢNG CHÍNH						134 813	24 905	109 908			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						3 560	3 549	11			
1		KDT MIỀN BẮC	8/8	2005/8	18/8	NB 8348	CẨM 5A.1	2 360	2 357	3	10/8	PTCB	
2		XNK VTA TẠI HẢI PHÒNG	10/8	1949/8	17/8	BN 0679	CỤC XỔ 1C	1 200	1 192	8	10/8	TD	GIA HẠN LẦN 1
		Tàu dự kiến rút trong ngày						52 493	21 356	31 137			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	31/7	487B/7		QUANG VINH DIAMOND	CẨM 6A.14	20 500		20 500		HỘ LỚN	TTCO: 20.500 Thay TBRT Số 487/7
2		ĐẠM NINH BÌNH	10/8	510/8		NB 8519	CẨM 4A.1	3 005	437	2 568	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	3/8	500/8		HẢI NAM 79	CẨM 6A.1	27 300	19 587	7 713	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 27.300
4		KDT HẢI PHÒNG	8/8	2011/8	18/8	BN 2618	CẨM 5A.1	1 688	1 332	356	RÓT DỖ	PTCB	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						78 760		78 760			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/8	511/8		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 050		23 050		HỘ LỚN	TTCO: 23.050
4		SX & TM THAN UÔNG BÍ	6/8	1989/8	13/8	BN 2196	CỤC XỔ 1C	1 100		1 100		TD	
5		DVVT QUẢNG NINH	6/8	1995/8	13/8	BN 2615	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	
6		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	7/8	2002/8	14/8	NB 8530	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
8		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	10/8	2018/8	17/8	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 160		1 160		TD	
9		VT & KDT	10/8	2019/8	17/8	NB 8707	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
10		ĐITM & DỊCH VỤ	10/8	2020/8	17/8	BN 2519	CỤC XỔ 1C	1 150		1 150		TD	
		Tàu chuyển tải						117 690	38 410	79 280			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						96 990	38 410	58 580			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CẨM 6A.1	27 690	21 210	6 480	DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 22.500 - KVCP: 5.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	5/8	504/8		QUANG VINH 188	CẨM 6A.1	22 800	8 000	14 800	DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 4.800
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	7/8	507/8		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 500	9 200	37 300	DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 41.000 - KVCP: 5.500

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 2026

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						28 103	14 453	13 650			
		Tàu đã làm hàng						11 515	11 426	89			
1		NHÓM ĐẮK NÔNG	9/8	2014/8	19/8	HOÀNG GIA 45	CÁM 5A.1	1 705	1 698	7	10/8	HỘ LỚN	
							CỤC 4A.2	1 375	1 344	31			
2		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	7/8	1999/8	17/8	TẤN PHÚC 01	CÁM 5B.1	3 250	3 247	3	10/8	PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	8/8	2007/8	18/8	BN 2329	CÁM 5B.1	1 500	1 489	11	10/8	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	8/8	2009/8	18/8	BN 2728	CÁM 6B.1	2 585	2 581	4	10/8	PTCB	
5		ĐITM & DỊCH VỤ	8/8	2010/8	15/8	BN 0758	CỤC XÔ 1B	1 100	1 067	33	10/8	TD	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						12 588	3 026	9 562			
1		KDT MIỀN BẮC	9/8	2012/8	19/8	HP 6068	CÁM 6A.1	5 538	2 579	2 959	RÓT DỖ	PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	9/8	2013/8	19/8	BN 1988	CÁM 6B.1	1 400		1 400		PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	9/8	2017/8	19/8	THANH BÌNH 18	CÁM 6A.1	1 080		1 080		PTCB	
							CÁM 6B.1	1 120		1 120			
4		TẬP ĐOÀN THÁI SƠN HP	7/8	2003/8	14/8	HP 7227	CỤC ĐON 8A	1 200	448	752	RÓT DỖ	TD	
5		CP XNK THAN	6/8	1986/8	13/8	NGÂN SƠN 68	BÙN 3C	2 250		2 250		TD	
		Tàu đã làm lệnh						4 000		4 000			
1		CP XNK THAN	9/8	2016/8	19/8	HOÀNG ANH 68	CÁM 6A.1	4 000		4 000		PTCB	
V		TÀU XUẤT KHẨU						15 000	-	15 000			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						15 000		15 000			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				25 000	23 503	1 497			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						25 000	23 503	1 497			
1		ÚC	27/7	5310		MV LADY ANNE	Than nhiệt xuất xứ từ Úc	20 000	19 503	497	DỖ		TTCO: 10.000 KVCP: 10.000

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 2026

[illegible]

